TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST Ngày: 11/4/2019. V/v: Xin ly hôn.	*K, ngày 11 tháng 4 năm 2019.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

TAnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

****/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

****/ Hội thẩm nhân dân:*** Ông Trần Xuân Hòa và bà Đặng Thị Thêm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Nhật Lệ – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2019/LHST – HNGĐ ngày 04/3/2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1990.
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1990.
Đăng ký HKTT và trú tại: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Nguyễn Diệu B và cháu Nguyễn Diệu X, đều sinh ngày 20/06/2014.
Người giám hộ cho cháu B là anh Nguyễn Công H- Bố đẻ của cháu.
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
Người giám hộ cho cháu X là chị Nguyễn Thị Thu A- mẹ đẻ của cháu.
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên.

4. Những người làm chứng:

4.1 Chị Phạm Thị T – sinh năm 1990.
Trú tại: Thôn C- xã P- huyện Đ- tỉnh Hưng Yên.

4.2. Bà Trần Thị S- Sinh năm 1966.
Trú tại: Thôn L, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/2/2019, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Công H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H kết hôn cùng với chị Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1990, là người ở thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên, trên cơ sở cả hai bên đều tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã N vào ngày 10/09/2013.

Sau khi kết hôn, chị A về chung sống cùng gia đình anh H tại thôn L, xã N. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng về tính cách, lối sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị A không hiểu anh H, tính tình chị A ương ngang, không chịu nghe lời khuyên bảo của ai, tự ý làm theo ý mình. Đến năm 2017 thì mâu thuẫn của anh chị trầm trọng hơn. Tháng 02/2017, chị A tuyên bố không chung sống được với anh H nên bỏ về nhà đẻ ở xã P- huyện Đ. Anh H và gia đình cũng đã hết lời khuyên bảo nhưng chị A cương quyết không chịu đoàn tụ, anh H cũng đã để cho chị A nhiều thời gian suy nghĩ nhưng chị A không biết hối cải, thay đổi. Trong quá trình vợ chồng H- A xảy ra mâu thuẫn và ly thân thì hai bên gia đình cũng rất nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Kể từ năm 2017 cho đến nay thì vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay anh H nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không có hạnh phúc nên xin ly hôn chị A để cả hai ổn định cuộc sống.

Bị đơn chị A trình bày tại biên bản ghi lời khai có quan điểm thống nhất với anh H về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Ngoài ra, chị A còn trình bày: Quá trình chung sống thì do vợ chồng anh chị bất đồng về tính cách, lối sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Anh H tính tình ngang ngược, không quan tâm chăm sóc vợ con, chị có góp ý thì anh H lại chửi bới, lăng mạ chị nên vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Đến năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn. Do không thể chịu được đời sống chung với anh H nên chị A đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn và ly thân là cả một quá trình kéo dài, hai bên gia đình cũng rất nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Kể từ năm 2017, cho đến nay thì vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị tại Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thì chị A cũng nhất trí ly hôn anh H để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh H và chị A đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung sinh đôi là cháu Nguyễn Diệu B và cháu Nguyễn Diệu X, đều sinh ngày 20/06/2014. Hiện nay cháu B đang ở cùng với anh H và cháu X đang ở cùng với chị A. Anh H và chị A đều có quan điểm sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Diệu B cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Diệu X cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu X trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: do mỗi người nuôi một cháu nên chị A và anh H đều không yêu cầu tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình: Anh H và chị A đều khẳng định không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện Khoái Châu đã báo anh H và chị A đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng chị A chỉ đến tham gia hòa giải ngày 04/3/2019, còn lại đều vắng mặt. Chị A cũng có đơn xin vắng mặt tại mọi giai đoạn tố tụng và tại phiên Tòa sơ thẩm.

Do bận công việc không thể đến TAND huyện Khoái Châu tham gia tố tụng nên anh H cũng có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh H và bị đơn chị A đều vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người làm chứng là chị Phạm Thị T và bà Trần Thị S đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Các đương sự thỏa thuận chọn TAND huyện Khoái Châu giải quyết nên theo quy định của pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu. Nguyên đơn, bị đơn, đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các nghĩa vụ quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS năm 2015).

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thị Thu A.

Công nhận sự thoả thuận về con chung giữa anh Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thị Thu A: Giao cháu Nguyễn Diệu B- sinh ngày 20/06/2014 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Diệu X- sinh ngày 20/06/2014 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu X trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: anh H và chị A không yêu cầu Tòa

án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này; Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. ***Về tố tụng***: Anh Nguyễn Công H có đơn đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết ly hôn cho anh và chị Nguyễn Thị Thu A. Mặc dù chị A đã chuyển hộ khẩu về thôn C- xã P- huyện Đ, tuy nhiên anh H và chị A đã có biên bản thỏa thuận thẩm quyền đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết yêu cầu xin ly hôn của anh H. Vậy nên, căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu.

Anh H và chị A có đơn xin xét xử vắng mặt. Những người làm chứng là chị Phạm Thị T và bà Trần Thị S đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đã có quan điểm xin được vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Anh H kết hôn với chị A trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N vào ngày 10/09/2013 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nẩy sinh nhiều mâu thuẫn, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Anh H xác định không còn tình cảm với chị A nên xin ly hôn để ổn định cuộc sống. Chị A cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên nhất trí ly hôn với anh H.

Theo xác minh tại cơ sở xã N, người thân trong gia đình của anh H- chị A thì thấy rằng trong thời gian chung sống giữa anh H- chị A đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Những mâu thuẫn này đã được người thân gia đình nhiều lần động viên, khuyên giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu cũng đã tiến hành phiên hòa giải cho anh chị nhưng không thành.

Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh H- chị A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H xin ly hôn, mặc dù Tòa án nhiều lần thông báo về phiên hòa giải cho anh chị nhưng chị A chỉ đến tham gia hòa giải một lần với quan điểm nhất trí ly hôn và thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn càng sớm càng tốt vì anh chị không còn tình cảm với nhau, các buổi hòa giải tiếp theo thì chị A không đến tham gia, đồng thời có đơn xin từ chối tất cả các buổi tham gia tố tụng bao gồm từ chối cả tham gia tố tụng tại phiên tòa là tỏ thái độ buông xuôi, bỏ mặc không tha thiết gì với cuộc hôn nhân này. Điều này khẳng định nguyên đơn và bị đơn thuận

tình ly hôn trong buổi hòa giải ngày 04/3/2019 là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ, phù hợp với Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. ***Về con chung*****:**

Anh H- chị A có 02 con chung. Nếu giao tất cả hai cháu cho một người trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng thì sẽ rất vất vả và không đảm bảo tốt về mọi mặt cho các cháu. Mặt khác cháu B đang ở với anh H, cháu X đang ở với chị A ổn định, được anh chị chăm sóc chu đáo. Anh H- chị A đều đang trong độ tuổi lao động, có công việc, nghề nghiệp, có thu nhập và điều kiện để nuôi con chung và đều có nguyện vọng giữ nguyên tình trạng con chung. Do vậy, cần công nhận sự thoả thuận của anh H- chị A: Giao cháu Nguyễn Diệu B- sinh ngày 20/06/2014 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Diệu X- sinh ngày 20/06/2014 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu X trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị đồng thời cũng phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết vì anh H- chị A không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh H- chị A đều có quyền thăm nom con chung của mình theo Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Anh H- chị A đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. ***Về án phí:*** Căn cứ theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh H đã nộp tại biên lai thu số 0001104 ngày 04/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên anh H đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. ***Căn cứ:*** Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2]. ***Về quan hệ hôn nhân****:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thị Thu A.

[3]. ***Về con chung:*** Công nhận sự thoả thuận về con chung giữa anh Nguyễn Công H và chị Nguyễn Thị Thu A: Giao cháu Nguyễn Diệu B- sinh ngày 20/06/2014 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu B trưởng thành (đủ 18 tuổi) và giao cháu Nguyễn Diệu X- sinh ngày 20/06/2014 cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ly trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh H, chị A có quyền thăm nom con chung của mình theo quy định của pháp luật.

[4]. ***Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại:*** Tòa án không đặt ra xem xét ở trong vụ án ly hôn này.

[5]. ***Về án phí:*** **A**nh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh H đã nộp tại biên lai thu số 0001104 ngày 04/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu nên anh H đã thi hành xong án phí của mình.

[6]. ***Về quyền kháng cáo:*** Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *VKSND huyện Khoái Châu;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã N*
- *Chi cục THADS K/C;*
- *Lưu HSVA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Thu Hương